TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN SƠN TRÀ -TP ĐÀ NẴNG** Số: 13/2024/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Sơn Trà, ngày 18 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ – THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212,213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55,81,82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 278/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023 về việc: *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con"* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

-Ông Nguyễn Minh C, sinh năm: 1983. Nơi cư trú: tổ 56, phường M, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng.

-Bà Phạm T N, sinh năm: 1979. Nơi cư trú: tổ 56, phường M, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Ông Nguyễn Minh C và bà Phạm T N kết hôn với nhau năm 2003 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường NT, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 94 ngày 18/11/2003. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2] Tại phiên hòa giải, ông Nguyễn Minh C và bà Phạm T N xác định: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại tổ 27, phường B, quận Long Biên, TP Hà Nội, đến năm 2015 thì vợ chồng chuyển vào thành phố Đà Nẵng và sống tại tổ 56, phường M, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng cho đến nay. Trong thời gian chung sống vợ chồng thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là: bất đồng quan điểm, không hòa hợp nên thường xuyên cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn ngày càng lớn, cả hai đã tìm biện pháp khắc phục cũng không đem lại kết quả gì. Nay ông bà xác định không còn yêu thương nhau nên đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho ông, bà.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Minh C và bà Phạm T N thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, tôn trọng, chung thủy quan tâm,

chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng ông C, bà N lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông bà đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông C, bà N là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: ông Nguyễn Minh C và bà Phạm T N xác định có 02 con chung là: Nguyễn Minh H, sinh ngày: 14/4/2003 và Nguyễn Minh A, sinh ngày 14/6/2007. Thuận tình ly hôn, ông Nguyễn Minh C và bà Phạm T N thỏa thuận thống nhất giao con chung Nguyễn Minh A cho bà Phạm T N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung Nguyễn Minh A đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Minh C cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Minh A mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con chung Nguyễn Minh A đủ 18 tuổi. Đối với con chung Nguyễn Minh H đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết vì quyền và lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: ông Nguyễn Minh C và bà Phạm T N xác định không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Các vấn đề khác: ông Nguyễn Minh C và bà Phạm T N xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng y*) ông Nguyễn Minh C và bà Phạm T N mỗi người phải chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 0002926 ngày 20/12/2023.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**** Về quan hệ hôn nhân***: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Minh C và bà Phạm T N. Giấy chứng nhận kết hôn số 94 ngày 18/11/2003 của UBND phường NT, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội không còn giá trị pháp lý.

****Về con chung***: Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Nguyễn Minh C và bà Phạm T N về việc nuôi con chung như sau:

Giao con chung Nguyễn Minh Acho bà Phạm T N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung Nguyễn Minh A đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Minh C cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Minh A mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con chung Nguyễn Minh Ađủ 18 tuổi. Đối với con chung Nguyễn Minh H đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

**** Về tài sản chung:*** ông Nguyễn Minh C và bà Phạm T N xác định không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

**** Về nợ chung:*** ông Nguyễn Minh C và bà Phạm T N xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng y*) ông Nguyễn Minh C và bà Phạm T N mỗi người phải chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 0002926 ngày 20/12/2023.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND P. NT, Q. Đống Đa, TP Hà Nội
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Văn Mạnh